

CÔNG TY TNHH CERAVINA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CERAVINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CERAVINA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CERAVINA CO. LTD.

2. Mã số doanh nghiệp: 3703164751

3. Ngày thành lập: 25/10/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

189 Hồ Văn Mên, Phường An Thạnh, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0915646779

Fax: tran79luattoan@gmail.com

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
3.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
4.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
5.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
6.	Bán buôn thực phẩm	4632
7.	Bán buôn đồ uống	4633
8.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn hàng gốm sứ, thủy tinh các loại. Bán buôn đồ dùng nhà bếp. Bán buôn sản phẩm đồ chơi, trò chơi (không kinh doanh trò chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội và không kinh doanh trò chơi có thưởng) - bán buôn bộ bài tây, bộ bầu cua do công ty thiết kế, đặt gia công, sản xuất. Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm, chế phẩm vệ sinh: xà phòng thơm, nước gội đầu, sữa tắm, chế phẩm khử mùi hôi, khăn giấy, tã giấy, giấy vệ sinh. Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện. Bán buôn nội, giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự. Bán buôn văn phòng phẩm. Bán buôn bình sữa, núm vú, máy hấp bình sữa, tã lót em bé, xe em bé các loại, dụng cụ bấm móng tay, kéo cắt móng tay, bộ chải tóc và lược, máy hâm nóng, dụng cụ vệ sinh bình sữa, nhiệt kế, máy hút sữa, máy tiệt trùng bình sữa, đồ chơi ngâm nước, túi đựng bình sữa, hộp chia sữa, bình trà sữa, nắp đậy trữ sữa, ti ngâm, dây giữ ti ngâm, miếng cắn răng, dụng cụ thiết yếu cho em bé, ly uống nước, ly giấy, muỗng, bình nước, chén ăn dặm, hộp đựng thức ăn, muỗng cảm ứng nhiệt, miếng lót, yếm ăn, dụng cụ trợ ti, thùng rác, túi rác, túi giữ nhiệt, túi vải, túi giấy.	4649
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
12.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
13.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón (không chứa hàng tại trụ sở), thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp. Bán buôn nguyên liệu trong sản xuất phân bón. (đối với thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp, chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	4669
14.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
15.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
16.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
17.	Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật, dược phẩm)	8292
18.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
19.	Lập trình máy vi tính	6201
20.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
21.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
22.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
23.	Cổng thông tin	6312
24.	Quảng cáo	7310
25.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
26.	Bán buôn tổng hợp	4690

27.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
28.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
29.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
30.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
31.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
32.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
33.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
34.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
35.	Khai thác muối	0893
36.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
37.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
38.	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản	1020
39.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
40.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
41.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
42.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
43.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
44.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ Sản xuất, chế biến phân bón, phân hữu cơ, phân vi sinh (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo qui định của pháp luật	2012
45.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo qui định của pháp luật	2021
46.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
47.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393(Chính)
48.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	2740
49.	Sản xuất đồ điện dân dụng (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo qui định của pháp luật	2750
50.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	2821

51.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo qui định của pháp luật	2825
52.	Sản xuất máy chuyên dụng khác (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo qui định của pháp luật	2829
53.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
54.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
55.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
56.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
57.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
58.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
59.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
60.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
61.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
62.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
63.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: hoạt động của các đại lý bán vé máy bay Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan	5229
64.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
65.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
66.	Xuất bản phần mềm	5820
67.	Đại lý du lịch	7911
68.	Điều hành tua du lịch	7912
69.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm thủ công mỹ nghệ (chủ yếu các sản phẩm gốm sứ, mây, tre, đồ gỗ, đồ bạc,, chạm khắc, sơn mài, mỹ nghệ	3290
70.	Lắp đặt hệ thống điện Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4321
71.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
72.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

73.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
-----	--	------

6. **Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRẦN	Việt Nam	585/90. Tổ 13, Khu 9, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	1.400.000.000	70,000	038181037507	
2	BÙI THỊ NGỌC HẰNG	Việt Nam	2/47 Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	600.000.000	30,000	074181002762	

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HUYỀN TRẦN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 19/05/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038181037507

Ngày cấp: 16/09/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh Sát QLHC và TTXH*

Địa chỉ thường trú: *585/90. Tổ 13, Khu 9, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *585/90. Tổ 13, Khu 9, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

9. **Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương